

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 28-03-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hải Anh;

Bà Đặng Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1973; ĐKKHKT: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi ở: TDP số C (Thôn N), thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định; “*có đơn xin vắng mặt*”

Bị đơn: Ông Bùi Văn K, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. “*vắng mặt*”

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Văn V, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. “*vắng mặt*”

Đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn V: Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi ở: TDP số C (Thôn N), thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định; (Văn bản ủy quyền ngày 15-10-2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-07-2024, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đoàn Thị M trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên vợ chồng anh Bùi Văn K có gặp và hỏi bà M vay tiền để chi tiêu. Ngày 20-01-2016 âm lịch (ÂL), ông K vay của bà M tổng số tiền 22.000.000 đồng, bà M đã đưa số tiền 22.000.000 đồng cho ông K tại nhà bà M. Giữa ông K và bà M có lập giấy vay tiền đề ngày 20-01-2016 (ÂL), có thỏa thuận thời hạn trả gốc vào ngày 20-6-2016 âm lịch, không thỏa thuận lãi, ông K đã ký tên vào giấy vay tiền. Bà M xuất trình cho Tòa án giấy vay tiền đề ngày 20-01-2016 (ÂL). Trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất theo quy định 20%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng từ khi vay cho đến nay thì ông K chưa trả được số tiền gốc 22.000.000 đồng và tiền lãi cho bà M. Sau khi hết hạn trả nợ bà M đã gặp và đòi tiền ông K nhiều lần nhưng ông K khất lần và chưa trả số tiền gốc và lãi cho bà M. Ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi. Do đó, bà M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn K phải thanh toán trả nợ số tiền gốc 22.000.000đ và tiền lãi của số tiền 22.000.000đ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Bùi Văn K trình bày: Do có mối quan hệ quen biết là người cùng làng, cùng xã với nhau nên khoảng cuối năm 2016 vợ chồng ông có vay số tiền 30.000.000 đồng của bà Đoàn Thị M. Sau đó khoảng 5 tháng vợ ông là Vũ Thị L có đưa cho ông số tiền 30.000.000 đồng để mang đến nhà bà M để trả cho bà M số tiền vợ chồng ông vay nhưng ông chỉ trả cho bà M số tiền là 18.000.000đồng, còn 12.000.000đồng ông nợ lại (ông tự vay lại bà M vợ ông không biết). Về nhà ông nói vợ là đã trả hết bà M. Nhưng đến hôm sau ông sợ bà M nói với vợ ông nên ông trả thêm 7.000.000đồng nữa. Vậy tổng số tiền ông đã trả cho bà M là 25.000.000đồng, nay số tiền ông còn nợ bà M là 5.000.000đồng. Việc nợ 5.000.000đồng vợ ông không liên quan, không biết, do ông vay cá nhân. Ông K công nhận là đúng chữ ký của ông ký trong giấy vay tiền đề ngày 20-01-2016 (ÂL) mà bà M nộp tại Tòa án nhưng phần nội dung ghi trong giấy vay tiền này ông không viết. Bà M bảo ông ký thì ông cứ ký chứ hôm đó do trời tối sợ xuất nên ông không đọc. Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông phải trả cho bà M tổng số tiền gốc 22.000.000đồng và số tiền lãi theo quy định pháp luật ông K không đồng ý, ông chỉ còn nợ bà M có 5.000.000đồng, ông đề nghị Tòa án cho ông thời gian sang tháng 03/2025 ông sẽ trả cho bà M.

Tại phiên tòa: Bà M có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nam Trực thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và diễn biến tại phiên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 463; 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Bùi Văn K có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị M và chồng là ông Đoàn Văn V số tiền gồm là 22.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi theo quy định pháp luật.

Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Ông Bùi Văn K phải nộp án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả bà Đoàn Thị M số tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đoàn Thị M là nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn V có đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M yêu cầu ông Bùi Văn K phải trả cho bà M tổng số tiền 22.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản tự khai của các bên đương sự và quá trình tố tụng tại Tòa án, có đủ cơ sở xác định ông Bùi

Văn K có vay số tiền gốc 22.000.000đ của bà M là sự việc có thật và phù hợp pháp luật. Việc vay nợ giữa ông K và bà M được chứng minh bằng giấy vay tiền đề ngày 20-01-2016 (âm) bản chính bà M nộp cho Tòa án làm căn cứ. Trong giấy có ghi nội dung Vũ Thị L cùng chồng là Bùi Văn K, ngày 20/01/2016 (âm) có vay số tiền 22.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận và hẹn trả gốc vào ngày 20/06/2016. Bà M đã đưa số tiền 22.000.000đ cho ông K nhận tại nhà bà M. Quá trình thực hiện hợp đồng cho đến hạn ngày trả số tiền gốc ông K đã không trả được số tiền gốc và lãi như thỏa thuận. Bà M gặp và đòi ông K nhiều lần nhưng ông K khất lần và đến nay chưa trả cả số tiền gốc và lãi. Ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi. Nay bà M xác định bà cho mình ông K vay số tiền trên, bà khởi kiện yêu cầu ông K phải trả số tiền nợ gốc 22.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật là có căn cứ. Phía ông K không nhất trí. Ông K thừa nhận chữ ký của ông trong giấy vay tiền đề ngày 20/01/2016 (âm) là đúng chữ ký của ông còn phần nội dung ghi trong giấy vay tiền này ông không viết, bà M bảo ông ký thì ông cứ ký chứ hôm đó do trời tối sợ xuất nên ông không đọc. Ông K công nhận ông có vay tiền của bà M nhưng chỉ vay số tiền 12.000.000đồng, ông đã trả cho bà M 7.000.000đồng đến nay ông chỉ còn nợ bà M số tiền gốc là 5.000.000đồng. Ông hứa sẽ có trách nhiệm trả số tiền 5.000.000đồng cho bà M vào tháng 03/2025 nhưng đến nay ông K vẫn chưa trả cho bà M. Ông K khẳng định việc vay nợ của bà M là của cá nhân ông không có liên quan gì đến vợ ông là Vũ Thị L. Tuy nhiên, những lời khai trên của ông K chỉ trình bày miệng, ông K không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của ông về việc ông chỉ vay bà M số tiền 12.000.000đồng, ông đã trả cho bà M 7.000.000đồng đến nay ông chỉ còn nợ bà M số tiền gốc là 5.000.000đồng.

Do đó, yêu cầu của bà M buộc ông Bùi Văn K phải trả cho bà M số tiền nợ gốc 22.000.000đ là có cơ sở chấp nhận. Do khoản tiền bà M cho ông K vay trong thời gian giữa bà Đoàn Thị M và ông Đoàn Văn V đang là vợ chồng nên căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc ông Bùi Văn K phải trả cho vợ chồng bà Đoàn Thị M và ông Đoàn Văn V số tiền nợ gốc 22.000.000đ và số tiền lãi theo quy định pháp luật.

[3] *Về lãi suất*: Tại giấy nhận tiền ngày 20-01-2016 (ÂL) các bên không thỏa thuận về lãi suất mà có thỏa thuận về thời hạn trả hết số tiền gốc 22.000.000đ cho bà M vào ngày 20-06-2016. Quá trình giải quyết vụ án, các bên trình bày không thống nhất về số tiền vay và việc thực hiện trả lãi. Bà M trình bày khi cho ông K vay tiền có thỏa thuận miệng lãi suất là 20%/năm, ông K trình bày khi vay tiền của bà M không có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, các đương sự không yêu cầu tính lại lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tính lại lãi. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 22.000.000đ và tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền nợ gốc 22.000.000đ. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa bà M và ông K là hợp đồng vay không có lãi nhưng có xác định

thời hạn trả nợ gốc nên cần xem xét tính mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 20-6-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tính lãi: Từ ngày 20-6-2016 (âm lịch) đến ngày 28-03-2025 dương lịch (29-02-2025 âm lịch) là 104 tháng 05 ngày, số tiền vay gốc 22.000.000 đồng:

$$22.000.000đ \times 10\%/năm \times (104 \text{ tháng} + 05 \text{ ngày}) = 19.103.333 \text{ đồng.}$$

[4] *Từ những phân tích nêu trên:* Hội đồng xét xử thấy, cần buộc ông Bùi Văn K phải trả nợ cho bà Đoàn Thị M và ông Đoàn Văn V số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng và số nợ lãi là 19.103.333 đồng, tổng số tiền nợ gốc và lãi là 41.103.333 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 463; 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Đoàn Thị M theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463; 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Bùi Văn K số tiền nợ gốc 22.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật là hợp pháp.

2. Buộc ông Bùi Văn K phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Đoàn Thị M và ông Đoàn Văn V số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng và số nợ lãi là 19.103.333 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 41.103.333 đồng (*bốn mươi một triệu, một trăm linh ba nghìn, ba trăm ba ba đồng*).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Bùi Văn K phải nộp 2.055.366 đồng (*hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm sáu sáu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho bà Đoàn Thị M số tiền 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 0005206 ngày 29-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Anh Đặng Thị Thu Hương

Phạm Thúy Nga

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Nam Tiến;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thúy Nga

